TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 02-02-2021.
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Võ Quốc Hưng.

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung tham gia phiên tòa: ông Bùi Văn Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2020 "Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Lê Thị Kim L**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ đăng ký thường trú: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp V, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bị đơn: **Lê Văn H**, sinh năm: 1971.

Cư trú tại: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2020, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Kim L trình bày:

- Về hôn nhân: chị Lê Thị Kim L và anh Lê Văn H tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 14/9/2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Sau khi kết hôn chị L và anh H chung sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng

không còn hạnh phúc. Chị L và anh H sống ly thân từ tháng 02 năm 2015 cho đến nay. Chị L yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: trong thời gian chung sống chị L và anh H có 01 người con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2011. Hiện nay cháu N đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu N thành niên, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống chị L và anh H không có tài sản chung và nợ chung, nên chị L không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Bị đơn là anh Lê Văn H đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, nên anh H đã biết được yêu cầu khởi kiện của chị L, nhưng anh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị L.

Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập anh Lê Văn H tham gia phiên họp hai lần hợp lệ, nhưng anh H vắng mặt không có lý do và anh H cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Kim L. Về hôn nhân: xử cho chị L được ly hôn với anh H; về con chung: giao cháu Lê Thị Kim N cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N thành niên, do chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: chị L và anh H không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2020 của chị Lê Thị Kim L thì chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn H. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Anh Lê Văn H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Kim L và anh Lê Văn H tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị L và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của chị L và anh H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh H chung sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên chị L và anh H sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì chị L và anh H không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2015. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị L và anh H không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Chị L yêu cầu được ly hôn; anh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị L.

Xét thấy: hiện nay hôn nhân của chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu được ly hôn với anh H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị L được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống chị Lê Thị Kim L và anh Lê Văn H có 01 người con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2011. Từ khi chị L và anh H sống ly thân cho đến nay chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu N thành niên, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; nguyện vọng của cháu N cũng muốn được tiếp tục sống chung với chị L; anh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị L.

Xét thấy: từ khi chị L và anh H sống ly thân cho đến nay chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, hiện nay cháu N đang có cuộc sống ổn định, được đi học đúng độ tuổi; nguyện vọng của cháu N cũng muốn được tiếp tục sống chung với chị L; việc chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N là phù hợp với nguyện vọng của cháu N và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu N, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu N cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N thành niên. Do chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên anh H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh H, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị Lê Thị Kim L và anh Lê Văn H không có tài sản chung, chị L và anh H không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: trong thời gian chung sống chị Lê Thị Kim L và anh Lê Văn H không có nợ chung, chị L và anh H không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim L. Như đã nhận định ở phần trên, xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Lê Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003015 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Lê Văn H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim L.

1. Về hôn nhân: xử cho chị Lê Thị Kim L được ly hôn với anh Lê Văn H.

2. Về con chung: giao cháu Lê Thị Kim N, sinh ngày 06 tháng 5 năm 2011 cho chị Lê Thị Kim L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N thành niên. Anh Lê Văn H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh H, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị Kim L và anh Lê Văn H không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền

tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003015 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, như vậy chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Lê Văn H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn chị Lê Thị Kim L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn anh Lê Văn H không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- UBND xã A, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.